

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2017

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Vạn Sinh;

2. Ông Hồ Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Ngày 17/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Cao H, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Bà P và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984, hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2009 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng ý kiến, cách sống với nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã; kinh tế gia đình khó khăn nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà P và ông H đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung, trong quá trình chung sống bà P và ông H có 04 con chung tên: Trần Cao P (sinh ngày 20/4/1985), Trần Thị Thanh M (sinh ngày 27/9/1987), Trần Thị Thanh N (sinh ngày 19/6/1990) và Trần Thị Thanh V (sinh ngày 14/4/1993). Các con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng sống tự lập nên bà

P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trần Cao H trình bày:* Ông H thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa ông và bà P như lời trình bày của bà P là đúng. Ông H và bà P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian dài đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm, cách sống, thường hay cãi vã. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý.

Về con chung, trong quá trình chung sống bà P và ông H có 04 con chung tên: Trần Cao P (sinh ngày 20/4/1985), Trần Thị Thanh M (sinh ngày 27/9/1987), Trần Thị Thanh N (sinh ngày 19/6/1990) và Trần Thị Thanh V (sinh ngày 14/4/1993). Các con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và đã có gia đình riêng sống tự lập, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- *Về hôn nhân:* Bà P và ông H chung sống với nhau từ năm 1984 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không còn phù hợp, không có sự tin tưởng nhau, kinh tế khó khăn nên hai bên thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng kéo dài, trầm trọng. Hiện nay các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, tự lập được không còn ràng buộc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Nay bà P yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã quá lâu và cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng điểm c, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Phượng với ông Hoà là vợ chồng.

[2]- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà P và ông H có 04 con chung là: Trần Cao P (sinh ngày 20/4/1985), Trần Thị Thanh M (sinh ngày 27/9/1987), Trần Thị Thanh N (sinh ngày 19/6/1990) và Trần Thị Thanh V (sinh ngày 14/4/1993). Các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và sống tự lập hiện nay không phụ thuộc vào gia đình, bà P và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung

là phù hợp với quy định tại Điều 15, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận.

[3]- *Về tài sản chung*: Bà P và ông H không yêu cầu giải quyết đây là sự định đoạt của các bên nên Toà án không đặt ra để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 16, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]- *Về án phí*: Bà P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 53; Điều 58; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của các bên.

-*Về hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị Kim P với ông Trần Cao H là vợ chồng.

-*Về con chung*: Có 04 con chung tên Trần Cao P (sinh ngày 20/4/1985), Trần Thị Thanh M (sinh ngày 27/9/1987), Trần Thị Thanh N (sinh ngày 19/6/1990) và Trần Thị Thanh V (sinh ngày 14/4/1993). Các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và đã sống tự lập, bà P và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

-*Về tài sản chung*: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

-*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0003712 ngày 13/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHỨC